

uigeli.xyz  
**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  
**MÔN SINH 10- 2026-2027**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**BÀI 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN SINH HỌC**

**Câu 1.** Đối tượng nghiên cứu của Sinh học là

- A. sự biến đổi của các chất trong đời sống tự nhiên.
- B. vật chất, năng lượng và sự vận động của chúng trong đời sống.
- C. Sinh vật cùng các cấp độ tổ chức sống.
- D. Sự tác động qua lại giữa sinh vật với môi trường.

**Câu 2:** Đây là những hành động của con người không có tác xấu đến sự phát triển bền vững?

- A. Chặt phá rừng, thải các chất khí vào bầu khí quyển
- B. Săn bắn động vật hoang dã
- C. Sử dụng năng lượng tái tạo thay cho năng lượng hóa thạch
- D. Khai thác triệt để tài nguyên thiên nhiên

**Câu 3:** Lĩnh vực nghiên cứu vận dụng khám phá thế giới sống tìm cách đưa ra phát kiến mới về điều gì gọi là:

- A. Sinh học ứng dụng
- B. Sinh học chuyên sâu
- C. Sinh học tế bào
- D. Sinh học khác

**Câu 4:** Xác định ý nào không phải là ứng dụng của công nghệ sinh học trong chăm sóc sức khỏe và điều trị bệnh?

- A. Tạo ra nhiều giống cây trồng mới
- B. Xạ trị cho bệnh nhân ung thư
- C. Cấy ghép mô tế bào; thụ tinh nhân tạo
- D. Xây dựng chế độ ăn uống, tập luyện khoa học

**Câu 5.** Những ngành nghề nào sau đây thuộc ngành Y học?

- A. Bác sĩ, y sĩ, y tá, kĩ sư.
- B. Y tá, y sĩ, bác sĩ, hộ lí.
- C. Lập trình viên, nhân viên xét nghiệm.
- D. Bảo vệ, kĩ thuật viên, y tá.

**Câu 6.** Những ngành nghề nào sau đây liên quan đến Sinh học?

- A. Chăm sóc sức khỏe, giáo viên sinh học.
- B. Quản trị cơ sở dữ liệu, lập trình máy tính.
- C. Biên tập viên, phóng viên truyền hình.
- D. Thiên văn học, địa lý môi trường.

**Câu 7:** Đây là ứng dụng của Sinh học trong vai trò chăm sóc sức khỏe con người?

- A. Tạo ra nhiều giống cây trồng mới
- B. Xây dựng chế độ ăn uống, tập luyện khoa học.
- C. Gia tăng sản lượng, đảm bảo chất lượng thực phẩm
- D. Chế biến các sản phẩm lên men như sữa chua, rượu, bia

**Câu 8.** Phát triển bền vững là

- A. sự phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu lợi ích của thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai.
- B. sự phát triển chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng thỏa mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại.
- C. sự phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai.
- D. sự phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai.

**Câu 9.** “Sự phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại, nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Đây là định nghĩa về vấn đề gì?

- A. Phát triển bền vững
- B. Phát triển kinh tế
- C. Phát triển du lịch
- D. Phát triển nông nghiệp

**Câu 10.** Khi nghiên cứu và ứng dụng sinh học, hành vi nào sau đây không trái với đạo đức sinh học?

- A. Nhân bản vô tính con người.
- B. Xét nghiệm giới tính thai nhi nhằm sinh con theo ý muốn.
- C. Sử dụng con người để thử nghiệm thuốc vì mục đích lợi nhuận.
- D. Thông báo trước cho người tham gia thí nghiệm về những rủi ro có thể xảy ra.

**Câu 11.** Hoạt động nào sau đây **không** thể hiện vai trò của Sinh học đối với sự phát triển kinh tế?

- A. Tạo ra giống vật nuôi, cây trồng có chất lượng tốt, chi phí thấp.
- B. Chế tạo, cải tiến các thiết bị máy móc thay thế con người trong sản xuất.
- C. Tạo ra nhiều chế phẩm enzyme nhằm ứng dụng trong công nghệ thực phẩm.
- D. Xét nghiệm DNA và dấu vân tay nhằm xác định quan hệ huyết thống.

**Câu 12.** Nhận định nào sau đây là **không** đúng khi nói về mối quan hệ giữa sự phát triển của sinh học và sự phát triển của kinh tế, công nghệ?

- A. Sự phát triển của sinh học góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.
- B. Sự phát triển của sinh học thúc đẩy cho việc nghiên cứu công nghệ.
- C. Sự phát triển kinh tế, công nghệ là nền tảng cho sự phát triển sinh học.
- D. Sự phát triển kinh tế, công nghệ hoàn toàn là thành tựu của sự phát triển sinh học.

## BÀI 2: CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ HỌC TẬP MÔN SINH HỌC

**Câu 1.** Cho các thiết bị sau, thiết bị nào **không** được dùng trong nghiên cứu môn sinh học?

- A. Kính lúp cầm tay
- B. Micropipette
- C. Con lắc
- D. Kính hiển vi quang học

**Câu 2.** Cho các thiết bị sau, thiết bị nào **không** được dùng trong nghiên cứu môn sinh học?

- A. Máy li tâm
- B. Sơ đồ mạch điện
- C. Mô hình, tranh ảnh
- D. Ống nghiệm

**Câu 3.** Cho các thiết bị sau, thiết bị nào **không** được dùng trong nghiên cứu môn sinh học?

- A. Đèn cồn
- B. Động cơ đốt trong.
- C. Cốc thủy tinh chia độ.
- D. Kính lúp cầm tay

**Câu 4.** Cho các thiết bị sau, thiết bị nào **không** được dùng trong nghiên cứu môn sinh học?

- A. Thiết bị đo tốc độ truyền âm.
- B. Máy li tâm.
- C. Tủ đông.
- D. Kính hiển vi quang học

**Câu 6.** Để đánh giá ảnh hưởng của nguồn nước đến sự phát triển rễ cây ta sử dụng phương pháp

- A. làm việc trong phòng thí nghiệm.
- B. thực nghiệm khoa học.
- C. phân tích khoa học.
- D. báo cáo số liệu.

**Câu 7.** Để nghiên cứu vấn đề thúc đẩy thanh long ra quả trái vụ ta sử dụng phương pháp

- A. quan sát.
- B. làm việc trong phòng thí nghiệm.
- C. thực nghiệm khoa học.
- D. trồng trọt hiệu quả.

**Câu 8.** Để đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ đến sự nảy mầm của hạt ta có thể sử dụng phương pháp nghiên cứu nào?

- A. Phương pháp làm việc trong phòng thí nghiệm.
- B. Phương pháp thực nghiệm khoa học.
- C. Phương pháp giải phẫu.
- D. Phương pháp quan sát.

**Câu 9.** Báo cáo kết quả thí nghiệm là một bước được sử dụng trong phương pháp

- A. thực nghiệm khoa học.
- B. làm việc trong phòng thí nghiệm.
- C. quan sát.
- D. học tập.

**Câu 10.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về phương pháp trong nghiên cứu sinh học:

|                                                |                                                                                                                                                               |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Phương pháp quan sát                        | a. Là phương pháp sử dụng các dụng cụ, hóa chất, quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm để thực hiện các thí nghiệm khoa học.                                 |
| 2. Phương pháp làm việc trong phòng thí nghiệm | b. Là phương pháp sử dụng trí giác và các phương tiện hỗ trợ để thu thập thông tin về đối tượng được quan sát.                                                |
| 3. Phương pháp thực nghiệm khoa học            | c. Là phương pháp chủ động tác động vào đối tượng nghiên cứu và những hoạt động của đối tượng đó nhằm kiểm soát sự phát triển của chúng một cách có chủ đích. |

- A. 1-c, 2-b, 3-a.
- B. 1-b, 2-a, 3-c.
- C. 1-c, 2-a, 3-b.
- D. 1-b, 2-c, 3-a.

**Câu 11.** Thứ tự các bước khi làm việc trong phòng thí nghiệm:

- (1) Báo cáo kết quả thí nghiệm.  
 (2) Chuẩn bị các thiết bị, dụng cụ, hóa chất và mẫu vật thí nghiệm.  
 (3) Vệ sinh dụng cụ, phòng thí nghiệm.  
 (4) Tiến hành các thí nghiệm theo quy trình và thu thập dữ liệu từ kết quả thí nghiệm.  
 A. (1), (2), (3), (4). B. (3), (1), (2), (4). C. (4), (3), (4), (1). D. (2), (4), (1), (3).

**Câu 12.** Để quan sát được hình dạng, kích thước của tế bào thực vật, ta cần dụng cụ gì?

- A. Kính hiển vi quang học B. Kính hiển vi điện tử  
 C. Kính lúp cầm tay D. Kính lúp đeo mắt

**Câu 13.** Để tiến hành thực nghiệm nghiên cứu vấn đề thúc đẩy thanh long ra quả trái vụ ta bước đầu tiên cần phải thực hiện hoạt động gì?

- A. Lựa chọn vườn thanh long để thực nghiệm.  
 B. Bón phân, chăm sóc vườn trước xử lý.  
 C. Ghi nhận thời gian ra hoa và mức độ phát triển của hoa.  
 D. Xử lý số liệu thu thập được và báo cáo kết quả.

**Câu 14.** “Quan sát và so sánh sự phát triển của 2 chậu cây trong thí nghiệm trồng 2 chậu cây ở 2 vị trí khác nhau. Từ đó đưa ra kết luận cho giả thuyết được đặt ra là đúng hay sai” là nội dung của bước nào trong tiến trình nghiên cứu ảnh hưởng của ánh sáng đến sự phát triển thân cây?

- A. Quan sát và đặt câu hỏi nghiên cứu. B. Xây dựng giả thuyết.  
 C. Thiết kế và tiến hành thực nghiệm. D. Điều tra, khảo sát thực địa hay thí nghiệm.

**Câu 15.** Xây dựng ngân hàng gene là ứng dụng của ngành khoa học nào?

- A. Sinh học tiến hóa. B. Sinh học tế bào. C. Tin sinh học. D. Hóa tin học.

**Câu 16.** Có bao nhiêu ý sau đây là ứng dụng của Tin sinh học?

- (1) So sánh hệ gene. (2) So sánh trình tự protein.  
 (3) Xác định quan hệ họ hàng giữa các loài. (4) Xây dựng ngân hàng sinh học.  
 A. 2 B. 4 C. 3 D. 1.

### BÀI 3: CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC CỦA THẾ GIỚI SỐNG

**Câu 1.** Đặc điểm nào sau đây **không** phải là đặc điểm chung của các cấp độ tổ chức sống?

- A. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. B. Là hệ thống mở và tự điều chỉnh.  
 C. Là hệ thống khép kín và ổn định. D. Liên tục tiến hóa.

**Câu 2.** Đặc điểm nào sau đây là một trong những đặc điểm chung của các cấp độ tổ chức sống?

- A. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. B. Tổ chức theo nguyên tắc đa phân.  
 C. Là hệ thống khép kín và ổn định. D. Ổn định và không tiến hoá.

**Câu 3.** Đặc tính quan trọng nhất đảm bảo tính bền vững và ổn định tương đối của tổ chức sống là:

- A. Trao đổi chất và năng lượng B. Sinh sản  
 C. Sinh trưởng và phát triển D. Khả năng tự điều chỉnh

**Câu 4.** Đặc điểm nào sau đây là một trong những đặc điểm chung của các cấp độ tổ chức sống?

- A. Tổ chức theo nguyên tắc bổ sung. B. Tổ chức theo nguyên tắc đa phân.  
 C. Là hệ thống khép kín và ổn định. D. Thế giới sống liên tục tiến hoá.

**Câu 5.** Đặc điểm nào sau đây thể hiện mối quan hệ chặt chẽ về cấu trúc của các cấp độ tổ chức sống?

- A. Mọi cấp độ tổ chức sống đều được cấu tạo từ tế bào.  
 B. Mọi hoạt động sống đều được thực hiện trong tế bào.  
 C. Cấp độ tổ chức nhỏ hơn sẽ làm nền tảng để hình thành cấp độ tổ chức cao hơn.  
 D. Các cấp độ tổ chức luôn hoạt động thống nhất để duy trì các hoạt động sống.

**Câu 6.** Thế giới sống được tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc có nghĩa là

- A. tổ chức sống cấp dưới sẽ làm cơ sở để hình thành nên tổ chức sống cấp trên.  
 B. tổ chức sống cấp dưới sẽ hoạt động không phụ thuộc vào tổ chức sống cấp trên.  
 C. tổ chức sống cấp dưới có những đặc tính nổi trội so với tổ chức sống cấp trên.  
 D. tổ chức sống cấp trên có cấu trúc đơn giản hơn tổ chức sống cấp dưới.

**Câu 7.** Biểu hiện nào sau đây cho thấy các cấp độ tổ chức sống là hệ thống mở?

- A. Các cấp độ tổ chức sống luôn bị biến đổi trước những thay đổi dù là nhỏ nhất của môi trường.  
 B. Các cấp độ tổ chức sống luôn tiến hóa liên tục để thích nghi với những thay đổi của môi trường.

C. Các cấp độ tổ chức sống luôn diễn ra quá trình trao đổi chất và năng lượng với môi trường.

D. Các cấp độ tổ chức sống luôn có cơ chế tự điều chỉnh để thích nghi với những thay đổi của môi trường.

**Câu 8.** Khi lượng đường trong máu giảm, cơ thể sẽ tiến hành phân giải glycogen dự trữ để đưa lượng đường trong máu về mức ổn định. Ví dụ này phản ánh đặc điểm chung nào của các cấp độ tổ chức sống?

A. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc.

B. Có khả năng tự điều chỉnh.

C. Là hệ thống mở.

D. Liên tục tiến hóa.

**Câu 9:** Trong các cấp tổ chức sống dưới đây, cấp nào là lớn nhất ?

A. Tế bào

B. Cơ thể

C. Quần thể

D. Quần xã

**Câu 9:** Trong các cấp tổ chức sống dưới đây, cấp nào là nhỏ nhất ?

A. Tế bào

B. Cơ thể

C. Quần thể

D. Quần xã

**Câu 10.** Thế giới sống liên tục tiến hóa là nhờ cơ chế

A. nhân đôi DNA.

B. đột biến gene.

C. đột biến nhiễm sắc thể.

D. phát sinh biến dị.

**Câu 11.** “Tổ chức sống cấp thấp hơn làm nền tảng để xây dựng nên tổ chức sống cấp cao hơn” giải thích cho nguyên tắc nào của thế giới sống?

A. Nguyên tắc thứ bậc.

B. Hệ thống mở.

C. Tự điều chỉnh.

D. Liên tục tiến hóa.

**Câu 12.** “Khi lượng đường trong máu giảm, cơ thể sẽ tiến hành phân giải glycogen dự trữ để đưa lượng đường trong máu về mức ổn định”, giải thích cho nguyên tắc nào của thế giới sống?

A. Nguyên tắc thứ bậc.

B. Hệ thống mở.

C. Tự điều chỉnh.

D. Liên tục tiến hóa.

**Câu 13.** Có các cấp độ tổ chức cơ bản của thế giới sống như sau:

(1) Cơ thể. (2) tế bào (3) quần thể (4) quần xã (5) hệ sinh thái

Các cấp độ tổ chức sống trên được sắp xếp theo đúng nguyên tắc thứ bậc là

A. 2 → 3 → 4 → 5 → 1

B. 5 → 4 → 3 → 2 → 1

C. 1 → 2 → 3 → 4 → 5

D. 2 → 1 → 3 → 4 → 5

**Câu 14.** Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là:

A. Các đại phân tử

B. Mô

C. Tế bào

D. Cơ quan

**Câu 15.** Tập hợp các cá thể cùng loài, cùng sống trong một không gian nhất định vào một thời điểm xác định và có quan hệ sinh sản với nhau được gọi là

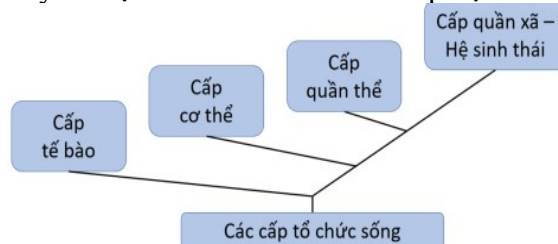
A. Quần xã sinh vật

B. Quần thể sinh vật

C. Hệ sinh thái

D. Nhóm quần thể

**Câu 16.** Dựa vào sơ đồ, cho biết đây là đặc điểm nào của các cấp độ tổ chức sống?



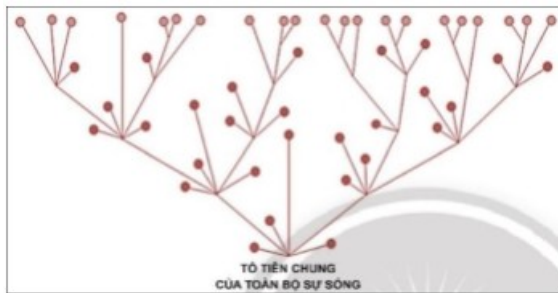
A. Nguyên tắc thứ bậc.

B. Hệ thống mở.

C. Tự điều chỉnh.

D. Liên tục tiến hóa.

**Câu 17.** Dựa vào sơ đồ, cho biết đây là đặc điểm nào của các cấp độ tổ chức sống?



A. Nguyên tắc thứ bậc.

B. Hệ thống mở.

C. Tự điều chỉnh.

D. Liên tục tiến hóa.

**Câu 18.** Hình ảnh sau đây mô tả cấp độ tổ chức của thế giới sống theo trật tự nào?



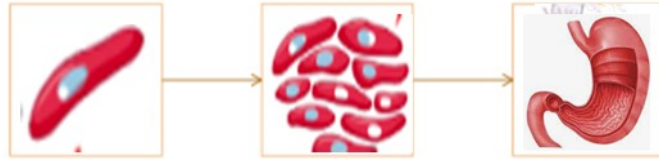
A. Mô → bào quan → cơ quan.

B. Mô → cơ quan → tế bào.

C. Phân tử → cơ quan → tế bào.

D. Phân tử → bào quan → tế bào.

**Câu 19.** Hình ảnh sau đây mô tả cấp độ tổ chức của thế giới sống theo trật tự nào?



A. Tế bào → mô → cơ quan.

B. Tế bào → mô → hệ cơ quan.

C. Mô → cơ quan → tế bào.

D. Cơ quan → mô → tế bào.

**Câu 20.** Hình ảnh sau đây mô tả cấp độ tổ chức của thế giới sống theo trật tự nào?



A. Bào quan → cơ quan → cơ thể.

B. Mô → cơ quan → cơ thể.

C. Cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.

D. Tế bào → bào quan → cơ thể.

#### BÀI 4. CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC VÀ NƯỚC

**Câu 1.** Nội dung nào sau đây đúng với học thuyết tế bào?

A. Tế bào được hình thành một cách ngẫu nhiên.

B. Tế bào là đơn vị chức năng của sự sống.

C. Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.

D. Hầu hết các loài sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây **không đúng** với học thuyết tế bào?

A. Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.

B. Các tế bào là đơn vị cơ sở của cơ thể sống.

C. Mỗi sinh vật luôn được cấu tạo từ nhiều tế bào khác nhau.

D. Tất cả các tế bào được sinh ra từ các tế bào trước đó bằng cách phân chia tế bào.

**Câu 3.** Một sinh vật đơn bào khác một tế bào trong cơ thể sinh vật đa bào ở điểm là

A. có khả năng đảm nhiệm chức năng của một cơ thể.

B. luôn sự phối hợp hoạt động với các tế bào cùng loại.

C. tham gia cấu tạo nên 1 loại mô nhất định trong cơ thể.

D. không có khả năng hoạt động độc lập trong môi trường.

**Câu 4.** Điểm khác nhau cơ bản giữa tế bào trong cơ thể sinh vật đa bào với tế bào của sinh vật đơn bào là các tế bào

A. hoạt động một cách độc lập với nhau.

B. đều có hình dạng giống nhau.

C. phối hợp hoạt động với nhau chặt chẽ.

D. hoạt động độc lập theo từng cơ quan.

**Câu 5.** Tế bào là đơn vị cấu trúc của cơ thể vì

A. tế bào là đơn vị có kích thước nhỏ nhất.

B. mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào.

C. mọi hoạt động sống đều được thực hiện nhờ tế bào.

D. tế bào có chức năng sinh sản.

**Câu 6.** Tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể vì

A. tế bào là đơn vị có kích thước nhỏ nhất.

B. mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào.

C. mọi hoạt động sống của cơ thể đều được thực hiện nhờ sự hoạt động của tế bào.

D. tế bào có chức năng sinh sản.

**Câu 7.** Sinh vật có cơ thể được cấu tạo từ nhiều tế bào gọi là

A. Sinh vật đa bào    B. Sinh vật đơn bào    C. Sinh vật kí sinh    D. Sinh vật ngoại sinh

**Câu 8.** Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào khác nhau chủ yếu tiêu chí nào?

A. Số lượng tế bào    B. Kích thước tế bào.    C. Màu sắc tế bào.    D. Hình dạng.

**Câu 9.** Trong số khoảng 25 nguyên tố cấu tạo nên sự sống, các nguyên tố chiếm phần lớn trong cơ thể sống (khoảng 96%) là:

A. Fe, C, H, O    B. C, N, P, Cl.    C. C, N, H, O.    D. K, S, Mg, Cu.

**Câu 10:** Các nguyên tố vi lượng thường cần một lượng rất nhỏ đối với thực vật vì:

A. Phần lớn chúng đã có trong các hợp chất của thực vật

B. Chức năng chính của chúng là điều tiết quá trình trao đổi chất

C. Chúng đóng vai trò thứ yếu đối với thực vật

D. Chúng chỉ cần cho thực vật ở một vài giai đoạn sinh trưởng nhất định

**Câu 11.** Các nguyên tố dinh dưỡng nào sau đây là các nguyên tố đa lượng:

A. C, O, Mn, Cl, K, S, Fe.

B. Zn, Cl, B, K, Cu, S, Mg

C. C, H, O, N, P, K, S, Ca.

D. C, H, O, K, Zn, Cu, Fe.

**Câu 12.** Trong số các nguyên tố hóa học sau: O, C, Mo, Na, Cu, S, I, H, Zn, Fe, Mg. Nguyên tố hóa học nào thuộc nhóm nguyên tố vi lượng?

A. Mn, O, C, Mg, S

B. C, Ca, Mg, S, Na.

C. Mg, Fe, Na, O, Zn

D. Cu, I, Fe, Mo, Zn

**Câu 13.** Liên kết hóa học giữa các nguyên tử hydrogen với nguyên tử oxygen trong phân tử nước là?

A. Liên kết cộng hóa trị

B. Liên kết hidrogen

C. Liên kết peptide

D. Liên kết glycosidic

**Câu 14.** Bệnh loãng xương ở người do thiếu nguyên tố nào sau đây?



A. Calcium.

B. Sodium.

C. Carbon.

D. Oxygen.

**Câu 15.** Nguyên tố nào sau đây có vai trò quan trọng tạo nên sự đa dạng của các hợp chất hữu cơ trong tế bào?

A. Carbon.

B. Nitrogen.

C. Calcium.

D. Phosphorus.

**Câu 16.** Đặc điểm nào sau đây giúp nguyên tố carbon trở thành nguyên tố có vai trò quan trọng trong tế bào?

A. Có 4 electron ở lớp ngoài cùng.

B. Không có tính dẫn điện.

C. Có khả năng dẫn nhiệt kém.

D. Có nhiều dạng thù hình khác nhau.

**Câu 17.** Phân tử nước được cấu tạo bởi 2 nguyên tử hydrogen và 1 nguyên tử oxygen. Phân tử nước có tính phân cực là do

A. oxygen và hydrogen có khả năng hút electron như nhau.

B. hydrogen có khả năng hút electron mạnh hơn.

C. oxygen có khả năng hút electron mạnh hơn.

D. oxygen không có khả năng hút electron.

**Câu 18.** Nước có thể là dung môi hoà tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có

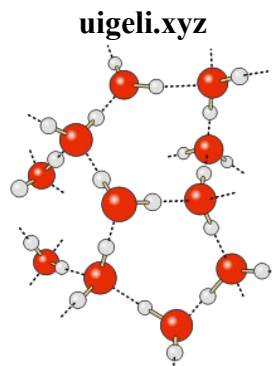
A. nhiệt dung riêng cao.

B. sức căng bề mặt lớn.

C. nhiệt bay hơi cao.

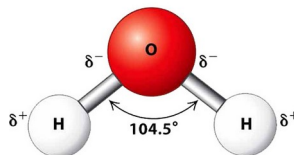
D. tính phân cực.

**Câu 19.** Liên kết hóa học được hình thành giữa các phân tử nước gần nhau là nhờ



A. liên kết cộng hóa trị.      B. liên kết hydrogen.      C. liên kết ion.      D. liên kết photphodiester.

**Câu 20.** Tính phân cực của nước là do



- A. đôi electron trong mỗi liên kết O – H bị kéo lệch về phía oxygen.  
 B. đôi electron trong mỗi liên kết O – H bị kéo lệch về phía hydrogen.  
 C. xu hướng các phân tử nước kéo lệch về phía oxygen  
 D. khối lượng phân tử của oxygen lớn hơn khối lượng phân tử của hydrogen.

### BÀI 5. CÁC PHÂN TỬ SINH HỌC TRONG TẾ BÀO

**Câu 1.** Các phân tử hữu cơ được tổng hợp và tồn tại trong tế bào sống được gọi là

- A. phân tử sinh học.      B. đại phân tử.  
 C. đa phân tử.      D. phân tử hóa học.

**Câu 2:** Người ta dựa vào đặc điểm nào sau đây để chia carbohydrate ra thành ba loại là đường đơn, đường đôi và đường đa?

- A. Số lượng đơn phân có trong phân tử      B. Khối lượng của phân tử  
 C. Số loại đơn phân có trong phân tử      D. Độ tan trong nước

**Câu 3.** Phân tử nào sau đây là phân tử sinh học?

- A. Carbohydrate      B. Hydrogen      C. Oxygen      D. Carbon dioxide

**Câu 4.** Phân tử nào sau đây **không phải** là phân tử sinh học?

- A. Carbohydrate      B. Protein      C. Nucleic acid      D. Carbon dioxide

**Câu 5.** Nhóm phân tử đường nào sau đây là đường đơn?

- A. Fructose, galactose, glucose      B. Tinh bột, cellulose, chitin.  
 C. Galactose, lactose, tinh bột.      D. Glucose, saccharose, cellulose.

**Câu 6.** Đơn phân cấu tạo nên nucleic acid là?

- A. Nucleotide.      B. Amino acid.      C. Glucose.      D. Maltose.

**Câu 7.** Đơn phân cấu tạo nên DNA gồm các loại nucleotide nào?

- A. A, T, G, C      B. A, U, G, C      C. A, T, G, U      D. U, T, G, C

**Câu 8.** Đơn phân cấu tạo nên RNA gồm các loại nucleotide nào?

- A. A, T, G, C      B. A, U, G, C      C. A, T, G, U      D. U, T, G, C

**Câu 9.** Giữa 2 mạch cấu trúc của DNA, các nucleotide liên kết với nhau theo nguyên tắc bổ sung như thế nào?

- A. A - T; G - C      B. A - C; G - T      C. A - U; G - C      D. A - T; G - U

**Câu 10.** Carbohydrate **không** có chức năng nào sau đây?

- A. Là nguồn dự trữ năng lượng cho tế bào và cơ thể.  
 B. Là nguồn cung cấp năng lượng cho tế bào và cơ thể.  
 C. Là vật liệu cấu trúc xây dựng tế bào và cơ thể.  
 D. Là vật liệu di truyền của tế bào

**Câu 11.** Chức năng **chính** của phospholipid trong tế bào là gì?

- A. Cấu tạo màng sinh chất.      B. Cung cấp năng lượng.

C. Nhận biết và truyền tin.

D. Liên kết các tế bào.

**Câu 12.** Bảo vệ cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh là chức năng của

A. hormone.

B. enzyme.

C. hemoglobin.

D. kháng thể.

**Câu 13.** Chất nào sau đây có nhiều trong trứng, thịt, sữa?

A. Protein.

B. Tinh bột.

C. Cellulose.

D. Glycerol.

**Câu 14.** Đường mía (saccharose) là loại đường đôi được cấu tạo bởi

A. hai phân tử Glucose.

B. một phân tử glucose và một phân tử fructose.

C. hai phân tử fructose.

D. một phân tử glucose và một phân tử galactose.

**Câu 15.** Đường maltose là loại đường đôi được cấu tạo bởi

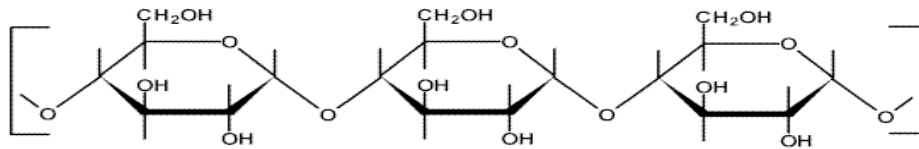
A. hai phân tử glucose.

B. một phân tử glucose và một phân tử fructose.

C. hai phân tử fructose.

D. một phân tử glucose và một phân tử galactose.

**Câu 16.** Trong cấu trúc của phân tử đường đa, các đường đơn liên kết với nhau bằng liên kết



### Polysaccharide

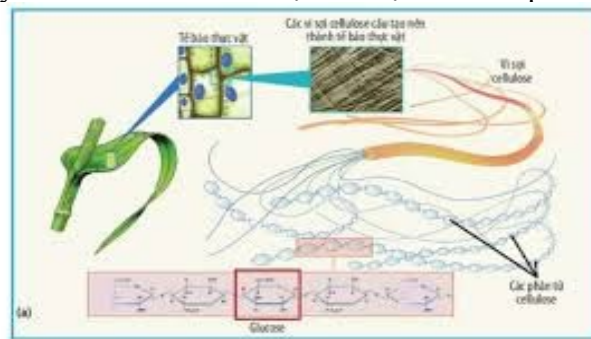
A. phosphodiester.

B. peptide.

C. cộng hóa trị.

D. glycosidic.

**Câu 17.** Quan sát hình dưới đây cho biết cellulose được cấu tạo bởi các phân tử đường đơn nào?



A. glucose.

B. fructose.

C. glucose và fructose.

D. saccharose.

**Câu 18.** Cho các nhận định sau:

(1) Cellulose tham gia cấu tạo màng tế bào.

(2) Glycogen là chất dự trữ của cơ thể động vật và nấm.

(3) Glucose là nguyên liệu chủ yếu cho hô hấp tế bào.

(4) Chitin cấu tạo bộ xương ngoài của côn trùng.

(5) Tinh bột là chất dự trữ trong cây.

Trong các nhận định trên có bao nhiêu nhận định **đúng** với vai trò của carbohydrate trong tế bào và cơ thể?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

**Câu 19.** Vì sao ở nhiệt độ thường, dầu thực vật ở trạng thái lỏng?



A. Vì dầu thực vật chứa chủ yếu các gốc acid béo không no.

B. Vì dầu thực vật chứa hàm lượng khá lớn các gốc acid béo no.

C. Vì dầu thực vật chứa chủ yếu các gốc acid béo thơm.

D. Vì dầu thực vật dễ nóng chảy, nhẹ hơn nước và không tan trong nước.

**Câu 20.** Những chất nào dưới đây **không** thuộc Lipid đơn giản?

A. Mỡ động vật.

B. Phospholipid.

C. Dầu thực vật.

D. Lớp sáp ở lá một số loài thực vật.

**Câu 21.** Những chất nào dưới đây thuộc Lipid phức tạp?

A. Lớp sáp ở lá một số loài thực vật và dầu thực vật.

B. Phospholipid và mỡ động vật..

C. Dầu thực vật.

D. Phospholipid và steroid.

**Câu 22.** Một phân tử phospholipid có cấu tạo bao gồm

A. 1 phân tử glycerol và 1 phân tử acid béo.

B. 1 phân tử glycerol và 2 phân tử acid béo và 1 nhóm phosphate.

C. 1 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo 1 nhóm phosphate.

D. 3 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo.

**Câu 23.** Một phân tử mỡ động vật có cấu tạo bao gồm

A. 1 phân tử glycerol và 1 phân tử acid béo.

B. 1 phân tử glycerol và 2 phân tử acid béo và 1 nhóm phosphate.

C. 1 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo 1 nhóm phosphate.

D. 1 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo.

**Câu 24:** Cho các phát biểu sau về vai trò của các carbohydrate trong tế bào và cơ thể:

(1) Tinh bột là nguồn năng lượng dự trữ ở các loài thực vật.

(2) Glycogen là nguồn năng lượng dự trữ ở cơ thể động vật và nấm.

(3) Glucose là nguồn nguyên liệu chủ yếu cho hô hấp tế bào.

(4) Lactose là đường sữa, được sản xuất để cung cấp cho các con non.

Số phát biểu đúng là

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 25:** Cho các vai trò sau:

(1) Là nguồn dự trữ và cung cấp năng lượng cho cơ thể.

(2) Tham gia cấu trúc màng sinh chất.

(3) Tham gia điều hòa sinh sản ở động vật.

(4) Xúc tác cho các phản ứng sinh học.

Số vai trò đúng với vai trò của lipid trong tế bào và cơ thể là

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 26.** Loại thực phẩm nào sau đây giàu lipid?

A. Mỡ động vật. B. Thịt gà nạc. C. Mía.

D. Khoai.

**Câu 27.** Nhóm thực phẩm nào sau đây giàu protein?

A. Gạo, ngô, lạc, bí đỏ B. Thịt, cá, sữa, trứng C. Rau muống, gạo, cá, trứng D. Đậu cô ve, trứng, bắp cải

**Câu 28.** Galactose có nhiều trong đâu?

A. Mật ong.

B. Quả chín.

C. Sữa động vật.

D. Động vật.

**Câu 29.** Nguồn lương thực, thực phẩm nào sau đây cung cấp chủ yếu cacbohydrate cho con người?

A. Gạo tẻ

B. Rau xanh

C. Cá

D. Dầu mè

**Câu 30.** Nguồn lương thực, thực phẩm nào sau đây cung cấp chủ yếu protein cho con người?

A. Gạo tẻ

B. Rau xanh

C. Thịt lợn nạc

D. Dầu mè

**Câu 31:** Loại đường cấu tạo nên vỏ tôm, cua được gọi là

A. Saccharose

B. Chitin

C. Glucose

D. Fructose

**Câu 32:** Cho các nhận định sau về protein, nhận định nào đúng?

A. Protein được cấu tạo từ các loại nguyên tố hóa học: C, H, O

B. Protein ở người và động vật được tổng hợp bởi 20 loại axit amin lấy từ thức ăn

C. Protein đơn giản gồm nhiều chuỗi pôlipeptit với hàng trăm amino acid

D. Protein mất chức năng sinh học khi cấu trúc không gian bị phá vỡ

**Câu 33:** DNA có chức năng là

A. cấu tạo nên ribosome là nơi tổng hợp protein.

B. làm mạch khuôn cho quá trình tổng hợp protein.

C. vận chuyển đặc hiệu amino acid tới ribosome. D. mang, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền.

**Câu 34:** Thịt bò, thịt lợn, thịt gà đều được cấu tạo từ protein nhưng chúng lại khác nhau về nhiều đặc tính là do

A. có sự khác nhau về số lượng, thành phần và trật tự các amino acid.

B. có sự khác nhau về số lượng, thành phần và trật tự các nucleotide.

C. có sự khác nhau về số lượng, thành phần và trật tự các đường đơn.

D. có sự khác nhau về số lượng, thành phần và trật tự các đường đôi.

**Câu 35:** DNA có chức năng là

A. cấu tạo nên ribosome là nơi tổng hợp protein.

B. làm mạch khuôn cho quá trình tổng hợp protein.

C. vận chuyển đặc hiệu amino acid tới ribosome.

D. mang, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền.

## PHẦN II: CÂU HỎI ĐÚNG SAI

**Câu 1.** Hình sau mô tả về cấu tạo của phân tử nước. Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai?



Phân tử nước

a) Phân tử nước được cấu tạo từ các nguyên tố hoá học C, H, O.

b) Các nguyên tố cấu tạo nên phân tử nước thuộc nhóm các nguyên tố đại lượng

c) Nước là thành phần cấu trúc trong tế bào.

d) Trong phân tử nước 2 nguyên tử hydrogen bị kéo lệch về phía nguyên tử oxygen tạo nên tính phân cực của phân tử nước, giúp nước có vai trò làm dung môi hoà tan các chất phân cực trong tế bào.

**Câu 2:** Khi nói về hàm lượng nước và sự biến đổi của nước trong cơ thể sống, các phát biểu sau đúng hay sai?

a) Tế bào ở các cơ quan có hoạt động trao đổi chất diễn ra mạnh mẽ (như não, cơ) thường có hàm lượng nước thấp hơn tế bào ở các cơ quan ít hoạt động (như xương).

b) Khi hạt giống ở trạng thái khô (hạt thóc, hạt ngô), hàm lượng nước giảm xuống rất thấp để duy trì quá trình trao đổi chất ở mức tối đa.

c) Hàm lượng nước trong cơ thể sinh vật thay đổi tùy thuộc vào độ tuổi, loài sinh vật và giai đoạn phát triển.

d) Cây bị thiếu nước sẽ làm giảm áp suất thẩm thấu và làm ngưng trệ nhiều quá trình sinh lý, dẫn đến héo và chết cây.

**Câu 3:** Trong tế bào, nước đóng vai trò sinh học cực kỳ quan trọng. Các nhận định sau đây đúng hay sai?

a) Nước vừa là thành phần cấu tạo, vừa là môi trường diễn ra tất cả các phản ứng trao đổi chất của tế bào.

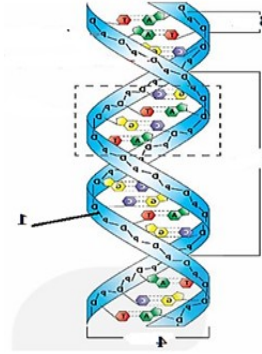
b) Nước là dung môi hòa tan nhiều chất cần thiết cho các hoạt động sống của tế bào như các ion khoáng, đường, amino acid.

c) Nhờ sức căng bề mặt lớn, nước tạo điều kiện cho một số loài sinh vật có thể di chuyển trên mặt nước.

d) Hàm lượng nước trong các tế bào ở các cơ quan khác nhau của cùng một cơ thể sinh vật luôn có giá trị bằng nhau.

**Câu 2.** Hình bên mô tả cấu trúc không gian của 1 đoạn phân tử acid nucleic, hãy cho biết mỗi nhận định sau đây Đúng hay Sai?

- a) Đây là phân tử DNA, mỗi phân tử DNA có 2 mạch polynucleotide xoắn song song và ngược chiều nhau.  
 b) Phân tử DNA có vai trò truyền đạt thông tin di truyền từ thế hệ tế bào này sang thế hệ tế bào khác.  
 c) Trong mỗi tế bào của người đều chứa DNA đặc trưng của mỗi cá thể nên khi giám định quan hệ huyết thống người ta thường thu thập các mẫu có chứa tế bào như niêm mạc miệng, chân tóc, ...



- d) Những anh em ruột trong một gia đình có cấu trúc DNA trong tế bào hoàn toàn giống nhau.

**Câu 3:** Khi nói về nucleic acid (DNA và RNA) mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai?

- a) Phân tử DNA gồm 2 chuỗi polynucleotide xoắn song song và ngược chiều nhau.  
 b) Nguyên tắc bổ sung trong phân tử DNA là A liên kết với T bằng 2 liên kết hydrogen, G liên kết với C bằng 3 liên kết hydrogen.  
 c) Phân tử RNA luôn có cấu trúc 2 mạch xoắn kép giống như DNA.  
 d) ADN của mỗi cá thể mang đặc trưng riêng, vì vậy ADN được ứng dụng trong xác định huyết thống và truy tìm tội phạm

**Câu 4:** Cho các nhận định sau về nhóm phân tử Lipid. Mỗi nhận định là đúng hay sai?

- a) Lipid là nhóm chất hữu cơ không tan trong nước (kị nước) nhưng tan trong các dung môi hữu cơ như ether, benzene, chloroform.  
 b) Mỡ động vật thường chứa nhiều acid béo không no nên ở nhiệt độ phòng thường tồn tại ở trạng thái lỏng.  
 c) Phospholipid có cấu trúc gồm 1 phân tử glycerol liên kết với 2 acid béo và 1 nhóm phosphate, là thành phần chính cấu tạo nên màng sinh học.  
 d) Steroid (như cholesterol, estrogen, testosterone) thuộc nhóm lipid phức tạp, tham gia cấu tạo màng tế bào và điều hòa sinh lý cơ thể.

**Câu 5** Khi học về cấu trúc và tính chất của Protein trong tế bào. Mỗi nhận định là đúng hay sai?

- a) Protein là đại phân tử hữu cơ chiếm khối lượng khô lớn nhất trong tế bào, được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân với đơn phân là các amino acid.  
 b) Tính đa dạng và đặc thù của protein do số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp của các amino acid trong chuỗi polypeptide quy định.  
 c) Hiện tượng biến tính của protein xảy ra khi cấu trúc không gian bậc 1 của nó bị phá hủy bởi nhiệt độ cao hoặc pH môi trường thay đổi.  
 d) Cấu trúc bậc 3 và bậc 4 của protein được duy trì ổn định chủ yếu nhờ các liên kết yếu như liên kết hydrogen, liên kết disulfite, tương tác kị nước.

**Câu 6:** Tóc và sợi tóc người đều được cấu tạo chủ yếu từ phân tử protein. Tuy nhiên, tóc (cấu tạo từ protein fibroin) có đặc tính rất mềm mại, dẻo dai và bóng mượt, trong khi tóc người (cấu tạo từ protein keratin) lại cứng, xoắn hoặc thẳng tùy cơ địa từng người. Nếu đem đun nóng sợi tóc hoặc duỗi tóc bằng nhiệt ở nhiệt độ cao, cấu trúc sợi tóc sẽ bị thay đổi hình dạng. Dựa vào ngữ liệu trên và kiến thức về cấu trúc protein, mỗi nhận định sau đây là **Đúng** hay **Sai**?

- a) Sự khác nhau về đặc tính giữa tóc và tóc người là do số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp của các amino acid trong chuỗi polypeptide quy định.  
 b) Việc duỗi tóc bằng nhiệt độ cao làm thay đổi kiểu dáng tóc là do tác động nhiệt làm phá hủy các liên kết yếu (như liên kết hydrogen), gây ra hiện tượng biến tính protein.  
 c) Protein fibroin trong tóc và protein keratin trong tóc đều được tạo thành từ các đơn phân là các nucleotide.  
 d) Cấu trúc bậc 1 của protein keratin hoàn toàn bị đứt gãy và biến mất ngay sau khi duỗi tóc bằng nhiệt

### PHẦN III: CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN

**Câu 1.** Có bao nhiêu phương pháp phổ biến được sử dụng trong nghiên cứu sinh học?

**Câu 2.** Có các dụng cụ: mô hình, ống nghe, kính hiển vi, Micropipette, sơ đồ mạch điện, kính lúp, Ampe kế. Có bao nhiêu dụng cụ dùng trong nghiên cứu và học tập môn sinh học?

**Câu 3.** Cho các hình thức: ghi trên giấy, ghi trực tuyến, tự ghi nhớ, ghi âm và quay video. Có thể lưu giữ kết quả quan sát bằng bao nhiêu hình thức kể trên?

**Câu 4.** Có bao nhiêu hoạt động được thực hiện ở bước 1 trong nghiên cứu vấn đề thúc đẩy thanh long ra quả trái vụ?

(1) Chọn phương pháp xử lí.

(2) Chuẩn bị bóng đèn và dây dẫn đúng kỹ thuật.

(3) Lựa chọn vườn thanh long để thực nghiệm.

(4) Ghi ngày bắt đầu và kết thúc thắp đèn, thời gian thắp đèn mỗi đêm.

**Câu 5.** Cho các nguyên tố: Fe, Ca, C, H, N, P, Cl, O, K, S, Mg, Zn và Cu. Có bao nhiêu nguyên tố là nguyên tố đa lượng?

**Câu 6.** Cho các nguyên tố: Fe, Ca, C, H, N, P, Cl, O, K, S, Mg, Zn và Cu. Có bao nhiêu nguyên tố là nguyên tố vi lượng?

**Câu 7.** Cacbohydrate được cấu tạo từ bao nhiêu nguyên tố?

**Câu 8.** Phân tử sinh học là những phân tử hữu cơ chỉ được tổng hợp và tồn tại trong các tế bào sống. Từ đó có bao nhiêu loại phân tử sinh học chính?

**Câu 9.** Hiện nay đã tìm thấy bao nhiêu loại amino acid trong các cơ thể sinh vật?

**Câu 10.** Loại đường đơn cấu tạo nên nucleic acid có bao nhiêu carbon?

**Câu 11.** Đơn phân của DNA/RNA có bao nhiêu loại?

**Câu 12.** Phân tử DNA được cấu tạo từ bao nhiêu chuỗi polynucleotide?

**Câu 13.** Mỗi chu kì xoắn kép của DNA gồm bao nhiêu cặp nucleotide?

**Câu 14.** Mỗi nucleotide dài khoảng bao nhiêu Å?

**Câu 15.** Trình tự sắp xếp các nucleotide trên mạch một của một phân tử DNA xoắn kép là – ATTTGGGCCCGAGGC -. Tổng số liên kết hydrogen của đoạn DNA này là bao nhiêu?

**Câu 16.** Dựa vào cấu trúc và chức năng có bao nhiêu loại RNA

**Câu 17.** Sau một thời gian bạn Hoa bị ốm, bác sĩ khám bệnh và xác định cơ thể bạn Hoa bị suy nhược do thiếu protein. Bác sĩ đã tư vấn cho bạn Hoa bổ sung thành phần protein cho cơ thể qua đường tiêu hoá. Trong các nhóm thực phẩm sau, Bạn Hoa nên bổ sung dinh dưỡng theo nhóm số mấy?

Nhóm 1. Dầu lạc, rau xanh, bột ngũ cốc, gạo nếp, bánh mì

Nhóm 2. Trứng, thịt bò nạc, cá thu, thịt ức gà, bột ngũ cốc, sữa

Nhóm 3. Trứng, dầu thực vật, bột ngũ cốc, khoai lang, đường mía

Nhóm 4. Rau xanh, gạo tẻ, tôm, trái cây chín đỏ như dưa hấu, đu đủ

**Câu 18.** Khi tìm hiểu về chế độ dinh dưỡng, bác sĩ khuyến cáo người cao tuổi nên hạn chế ăn nhiều mỡ động vật giàu mỡ bão hòa và cholesterol, đồng thời nên thay thế bằng các loại dầu thực vật (như dầu đậu nành, dầu ô liu). Nguyên nhân cốt lõi của lời khuyên này là nguyên nhân số mấy?

Nguyên nhân 1. Lipid động vật không có khả năng cung cấp năng lượng cho cơ thể.

Nguyên nhân 2. Lipid thực vật chứa nhiều protein giúp phục hồi tế bào nhanh hơn.

Nguyên nhân 3 Lipid động vật bị enzyme tiêu hóa phân hủy thành các chất độc hại đối với gan.

Nguyên nhân 4. Mỡ bão hòa và cholesterol dư thừa dễ tích tụ gây xơ vữa động mạch và bệnh tim mạch.

**Câu 19.** Phân tử DNA có chiều dài 408nm, thì số nucleotide của DNA này là bao nhiêu?

**Câu 20.** Một vận động viên điền kinh sau khi hoàn thành cự ly chạy việt dã có biểu hiện mệt mỏi, kiệt sức do mất nhiều năng lượng và hạ đường huyết tạm thời. Ban huấn luyện đã cho vận động viên này uống ngay một ly nước đường glucose ấm. Việc sử dụng glucose trong trường hợp này nhằm mục đích số mấy sau đây?

Mục đích 1. Bổ sung nguồn năng lượng dự trữ dài hạn cho tế bào cơ bắp.

Mục đích 2. Bổ sung nguyên liệu cấu tạo nên màng sinh chất của tế bào.

Mục đích 3. Cung cấp ngay nguồn năng lượng trực tiếp, dễ hấp thu cho tế bào.

Mục đích 4. Tăng cường khả năng miễn dịch và cấu tạo nên các enzyme giải độc.

## PHẦN IV. TỰ LUẬN

**Câu 1.** Vào thời điểm sắp thu hoạch các loại cây ăn quả (như dưa hấu, cà chua, hồng), nếu gặp những trận mưa lớn kéo dài sau một đợt hạn hán, hiện tượng nứt quả hàng loạt rất dễ xảy ra. Dựa vào đặc tính sinh học của nước và cấu tạo tế bào thực vật, em hãy giải thích hiện tượng trên.

**Câu 2.** Khi vận động thể thao mạnh trong thời gian dài (như chơi đá bóng, chạy bền) hoặc khi trời nắng nóng, cơ thể người thường tiết ra rất nhiều mồ hôi. Nhờ đặc tính lý hóa nào của nước mà hiện tượng đổ mồ hôi lại giúp cơ thể giải phóng nhiệt lượng và hạ thân nhiệt hiệu quả? Điều gì sẽ xảy ra nếu một vận động viên bị mất nước quá nhiều mà không được bù nước kịp thời?

**Câu 3.** Tại sao dựa vào kết quả xét nghiệm DNA, người ta có thể xác định được hai người thất lạc nhiều năm có quan hệ huyết thống với nhau, cũng như có thể tìm ra hung thủ chỉ từ một mẫu mô rất nhỏ có ở hiện trường?

**Câu 4.** Tại sao các vận động viên chơi thể thao thường ăn chuối chín vào giờ giải lao?

**Câu 5.** Một bạn học sinh đưa ra nhận định như sau: “Nếu khẩu phần thức ăn thiếu protein thì cơ thể, đặc biệt ở trẻ em thường gầy yếu, chậm lớn và dễ mắc bệnh truyền nhiễm” theo em nhận định trên đúng hay sai? Giải thích.

**Câu 6.** Tại sao các nhà dinh dưỡng học đưa ra những lời khuyên: Nên thường xuyên thay đổi những món ăn khác nhau và trong một bữa ăn nên ăn nhiều món ?

**Câu 7.** Dựa vào hiểu biết về thành phần hoá học của tế bào, hãy xây dựng một khẩu phần ăn hợp lý cho bản thân trong một ngày. (*chú trọng thành phần dinh dưỡng, thành phần nào cần nhiều, thành phần nào cần ít hơn*)



**Câu 8.** Thiết kế được thí nghiệm kiểm chứng giả thuyết:

- Xác định sự có mặt của glucose trong tế bào.
- Xác định sự có mặt của tinh bột trong tế bào
- Xác định sự có mặt của protein trong tế bào
- Xác định sự có mặt của lipid trong tế bào